

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **110/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 28/4/2025

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phú

Ông Nguyễn Hồng Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Tôn Trọng Hưng - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 28/4/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 345/2024/TLST-HNGĐ ngày 06/12/2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/3/2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1983 (xin vắng mặt)

HKTT: thôn C, xã K, thị xã C, tỉnh Bắc Giang

Hiện đang trú tại: Số B B, M, quận S, thành phố Đ, Đài Loan.

- Người đại diện nhận văn bản tố tụng: Chị Hoàng Thị V, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn A, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1980 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: thôn C, xã K, thị xã C, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai chị Hoàng Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn với nhau ngày 05/9/2001, việc kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện L. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có 02 con chung. Đầu năm 2017, chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và hiện nay đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan. Thời gian đầu sau khi chị sang Đài Loan thì vợ

chồng vẫn thường xuyên liên lạc, cùng nhau chăm sóc cho con cái. Tuy nhiên hiện nay giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế. Ngày 24/11/2024 chị về Việt Nam nghỉ phép nhưng giữa chị và anh C đã không còn quan tâm gì đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó và đã sống ly thân. Đến nay giữa chị và anh C đã không còn liên lạc với nhau. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh C được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 2002 và cháu Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 2005. Do các cháu đã trưởng thành và tự lập nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là anh Nguyễn Văn C trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T kết hôn năm 2001, đăng ký kết hôn tại UBND xã K và vợ chồng có 02 con chung. Đã từ lâu chị T đi lao động nước ngoài không quan tâm đến gia đình ở nhà. Anh và chị T đã không còn quan tâm đến nhau và sống ly thân. Nay chị T đề nghị ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 2002 và cháu Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 2005. Do các cháu đã trưởng thành và tự lập nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ: không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều xin vắng mặt giữ nguyên ý kiến. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.*

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T. Xử: Cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn C. Về con chung, tài sản chung và công nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Hoàng Thị T đang sinh sống tại nước ngoài có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, với anh Nguyễn Văn C. Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do nguyên đơn được xác định là đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn C kết hôn với nhau ngày 05/9/2001 và đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện L (nay là thị xã C), việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với anh C. Xem xét đơn khởi kiện của chị T, HĐXX thấy: chị T xác định hiện nay vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân với nhau. Anh C cũng xác định vợ chồng đã mâu thuẫn, sống ly thân và không còn tình cảm. Cả chị T và anh C đều có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh C.

[4]. Về con chung: chị T và anh C có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 2002 và Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 2005. Do con chung của anh chị đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): các đương sự không đề nghị nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 271; Điều 273, khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000268 ngày 06/12/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

- Chị Hoàng Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã Kiên Thành, TX Chũ;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hải Hương